

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Châu Văn Dĩ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ; địa chỉ trụ sở: Số 41 & 45, đường LD, phường BN, q 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần PĐ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Minh K – Giám đốc Phòng giao dịch Đam Dơi là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T (văn bản ủy quyền số 66/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 30/6/2021).

Người đại diện hợp pháp:

1. Anh Lý Hùng A – Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh K (có mặt).

2. Anh Nguyễn Hoàng P – Chuyên viên chính thu hồi nợ hiện trường – Phòng thu hồi nợ khối bán lẻ là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh K (vắng

mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Phan Thiện T1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Phạm Tuyết S, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD trình bày: Ngân hàng TMCP PD với anh T1, chị S đã ký kết hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CDD/HĐTD và ký Khế ước nhận nợ số ST21003971.1/2021/CDD/KUNN cùng ngày 09/02/2021.

Lãi suất vay trong hạn: Trong 03 tháng đầu 9,5%/năm. Từ tháng thứ 04 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 09/5/2021 theo công thức tính lãi suất như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2)

Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ.

Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4%/năm

Biên độ tối thiểu sẽ được cộng thêm (+) 2%/năm (được gọi là Biên độ tăng thêm) khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

(i) Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, Bên vay không tiếp tục mua bảo hiểm khoản vay khi thời hạn bảo hiểm khoản vay đến hạn.

(ii) Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm không tiếp tục mua bảo hiểm đối với Tài sản bảo đảm khi thời hạn bảo hiểm tài sản đến hạn.

Lãi suất quá hạn: bằng 150 lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số ST21003971.2/2021/CDD/HĐTD và ký Khế ước nhận nợ số ST21003971.2/2021/CDD/KUNN cùng ngày 09/02/2021.

Lãi suất vay trong hạn: Trong 03 tháng đầu 10,5%/năm. Từ tháng thứ 04 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 09/5/2021 theo công thức tính lãi suất như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2)

Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ.

Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4%/năm

Biên độ tối thiểu sẽ được cộng thêm (+) 2%/năm (được gọi là Biên độ tăng thêm) khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

(i) Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, Bên vay không tiếp tục mua bảo hiểm khoản vay khi thời hạn bảo hiểm khoản vay đến hạn.

(ii) Trong thời hạn thực hiện hợp đồng tín dụng, Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm không tiếp tục mua bảo hiểm đối với Tài sản bảo đảm khi thời hạn bảo hiểm tài sản đến hạn.

Lãi suất quá hạn: bằng 150 lãi suất vay trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm: 02 quyền sử dụng đất tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 379229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 25/8/2017 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 379230 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 25/8/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh T, chị S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Tổng nợ của hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CDD/HĐTD tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 476.305.565đ, trong đó: Nợ gốc 456.397.865đ, nợ lãi 19.907.700đ.

Tổng nợ của hợp đồng tín dụng số ST21003971.2/2021/CDD/HĐTD tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 278.482.960đ, trong đó: Nợ gốc 267.500.000đ, nợ lãi 10.982.960đ.

Nay ngân hàng TMCP PD yêu cầu: Anh Phan Thiện T1, chị Phạm Tuyết S trả số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CĐ/HĐTD ngày 09/2/2021 và hợp đồng tín dụng số ST21003971.2/2021/CĐ/HĐTD ngày 09/2/2021 tính đến ngày 05/7/2022 là 754.788.525đ, trong đó nợ gốc là 723.897.865 đồng, nợ lãi là 30.890.660 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/7/2022 cho đến khi anh T1, chị S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay.

Nếu anh T1, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST 21003971/2021/CCD/HĐTC ngày 09/02/2021 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng cụ thể: Quyền sử dụng đất tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK379229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 25/8/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK379230 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 25/8/2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD yêu cầu anh T và chị S trả số tiền vốn của hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CDD/HĐTD là 456.397.865đ, lãi quá hạn 38.900.102đ và hợp đồng tín dụng số ST21003971.2/2021/CDD/HĐTD số tiền vốn 267.500.000đ, lãi 17.176.219đ (lãi trong hạn 16.066.397đ; lãi quá hạn 1.109.822đ), tổng vốn, lãi của 02 hợp đồng là 779.974.186đ; lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD, buộc anh T1 và chị S trả cho ngân hàng tổng số tiền 779.974.186đđ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng PD được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp anh T1, chị S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD khởi kiện yêu cầu Phan Thiện T1, chị Phạm Tuyết S trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T1, chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên ngày 23/9/2022, anh T1, chị S có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do đang chăm sóc cha bệnh, không có mặt tại địa phương. Xét thấy: Lý do xin hoãn phiên tòa của anh T1, chị S không phải sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Bởi vì người bệnh là cha của anh T1, chị S nên việc chăm sóc không nhất thiết phải là anh T1, chị S mà những người con khác trong gia đình cũng phải có nghĩa vụ chăm sóc. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1, chị S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng anh T1, chị S có ký kết 02 hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CDD/HĐT, Khế ước nhận nợ số ST21003971.1/2021/CDD/KUNN và ST21003971.2/2021/CDD/HĐT, Khế ước nhận nợ số ST21003971.2/2021/CDD/KUNN cùng ngày 09/02/2021 với Ngân hàng PD để vay số tiền 1.000.000.000đ. Đồng thời, anh T1 và chị g có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản số ST21003971/2021/CDD/HĐTC ngày 09/02/2021 đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 379229 và CK 379230 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Phan Thiện T1 cùng ngày 25/8/2017 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng PD là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và vợ chồng anh T1, chị S về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 26/9/2022 anh T1, chị S còn nợ Ngân hàng PD số tiền vốn của 02 hợp đồng là 723.897.865đ, lãi 56.076.321đ (lãi trong hạn 16.066.397đ; lãi quá hạn 40.009.924đ). Như vậy, việc anh T1, chị S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với anh T1 và chị S: Mặc dù anh chị đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng PD, nhưng anh chị không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng PD về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng PD về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh T1, chị S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng PD là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 và chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét về chi phí xem xét tại chỗ: Anh T1 và chị S phải chịu chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ.

1. Buộc anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ số tiền là 779.974.186 đồng (bảy trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm tám mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số ST21003971.1/2021/CDD/HĐTD và ST21003971.2/2021/CDD/HĐTD ngày 09/02/2021, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 379229 và số CK 379230 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Phan Thiện T1 cùng ngày 25/8/2017 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng PD 17.096.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0012705 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 35.198.000 đồng.

5. Về chi phí xem xét tại chỗ: Anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S phải chịu chi phí là 300.000 đồng. Buộc anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S phải có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD.

6. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu anh Phan Thiện T1 và chị Phạm Tuyết S chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T1, chị S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

